

Bản án số: 340/2020/HS-PT
Ngày 29 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2020/TLPT-HS ngày 03/01/2020 đối với bị cáo Mai Đức Th và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 399/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Mai Đức Th (Tên gọi khác: **Ngh**), sinh năm 1988; đăng ký nhân khẩu thường trú: Phòng 27B, khu tập thể Phương M, phường Phương M, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; trú tại: Số nhà 306, phố Thái H, phường Trung L, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông Mai Thế H1 và bà Vi Thị Hồng Th1; có vợ là Phạm Thị Trâm A và 04 con;

- Tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 143/2008/HSPT ngày 10/3/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2016; tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Bản án số 424/2003/HSST ngày 30/5/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “Cướp tài sản”, (Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi);

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Nguyên H2, sinh năm 1972; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 11, tổ 28B, Mai Đ1, phường Hoàng Văn Th2, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; tạm trú: Số nhà 28/29/296 phố Lĩnh N, thuộc tổ 16, phường Lĩnh N, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Nguyên H3 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H4; có vợ là Lại Thị Như Tr;

- Tiền án: Bản án số 149/2008/HSST ngày 28/4/2008 của Tòa án nhân dân quận Đống Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bản án số 270/2015/HSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Tr1 xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 27/8/2017; tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Năm 2012 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc;

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2018. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; đăng ký nhân khẩu thường trú: Tiểu khu Bình T, thị trấn Bình M1, huyện Bình L1, tỉnh Hà Nam; trú tại: Số nhà 01, ngách 122/34 phố Vĩnh T1, phường Vĩnh T1, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Ngọc U (đã chết) và bà Đào Thị Y; có vợ là Đào Thị H5 và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Hồng Đ2, sinh năm 1991; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số 49/44/158 phố Trương Đ4, phường Trương Đ4, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Hồng Ph (đã chết) và bà Lương Thị Thu H6; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 21/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Tăng Xuân D, sinh năm 1987; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 54, phố Thanh H, phường Thanh L2, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; trú tại: Số nhà 102, ngõ 87 phố Láng Hạ, phường Trung L, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn:

Lớp 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Tăng Xuân H7 và bà Đoàn Thị Tuyết M2; có vợ là Lê Hồng A1;

- Tiền án: Bản án số 424/2003/HSST ngày 30/5/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi); Bản án số 599/2005/HSST ngày 24/11/2005 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bản án số 309/2008/HSST ngày 19/9/2008 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án số 387/2012/HSST ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bản án số 709/2012/HSST ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2016; tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019. Có mặt tại phiên tòa.

6. Hoàng Văn Đ5, sinh năm 1994; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Xóm 04, thôn Vân C, xã Vân Tr2, huyện Việt Y1, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng Văn Đ6 và bà Nguyễn Thị B;

- Tiền án: Bản án số 30/2013/HS-ST ngày 10/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Việt Y1, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2016; tiền sự: Chưa;

Bị cáo đầu thú ngày 12/3/2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Triệu Văn Th3, sinh năm 1998; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Thôn Chí A2, xã Nam H8, huyện Nam Tr2, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Triệu Văn T2 và bà Đỗ Thị B1;

- Tiền án: Bản án số 61/2017/HS-ST ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Tr2, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, (Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 25/8/2017 đến ngày 02/10/2017); tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Năm 2018, Công an quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo bị truy nã, ra đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2019. Có mặt tại phiên tòa.

8. Nhữ Gia H9, sinh năm 1989; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Phòng 402, nhà B6 khu tập thể Vĩnh H10, phường Ngã Tư S, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nhữ Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị H11; tiền án, tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Bản án số 431/2005/HS-ST ngày 26/8/2005 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 10 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt là 34 tháng tù; Bản án số 159/2011/HS-ST ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 32 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án số 130/2011/HS-ST ngày 23/8/2011 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp với hình phạt 32 tháng tù của Bản án số 159/2011/HS-ST ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 47 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/11/2014; ngày 14/4/2008 bị UBND quận Đống Đa áp dụng biện pháp “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”; ngày 04/01/2011, bị Công an quận Đống Đa xử phạt hành chính về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2018 đến ngày 10/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

9. Bùi Văn D1, sinh năm 1994; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Thôn Thái H12, xã Bình Đ7, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Văn Q và bà Vũ Thị L3; có vợ là Đặng Thị Tr3 (Đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2018 đến ngày 25/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

10. Nghiêm Đức A2, sinh năm 1997; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 417, tổ 15, phường Hoàng Văn Th2, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; trú tại: Số 07, ngõ 402, phố Bạch M, phường Bạch M, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nghiêm Đức L11 (đã chết) và bà Lê Thu Vân; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Tiến H13, sinh năm 1984; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số 09/254/101/17 phố Minh Kh, thuộc tổ 05, phường Mai Đ1, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Vũ Thị L4; tiền án, tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Tháng 3/2012, bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc 24 tháng; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1996; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Tổ 17, phường Minh X1, thành phố Tuyên Q2, tỉnh Tuyên Quang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Phú T4 và bà Trần Phương Th3; tiền án, tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Ngày 21/6/2010, Công an phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 18/02/2011, bị áp dụng biện pháp hành chính cải tạo giáo dục tại xã phường 03 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2018 đến ngày 25/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Văn A6, sinh năm 1997; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Khu 03, xã Thượng N, huyện Tam N, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Th4 và bà Phạm Thị Th5; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2018 đến ngày 23/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

14. Đặng Hồng Ph, sinh năm 1997; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Khu 02, xã Thượng N, huyện Tam N, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con bà Đặng Thị H14; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2018 đến ngày 23/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

15. Tăng Xuân M3, sinh năm 1995; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 54, phố Thanh Hà, phường Thanh L2, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; trú

tại: Số nhà 102, ngõ 87, phố Láng H15, phường Trung L, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Tăng Xuân H16 và bà Đoàn Thị Tuyết M2; có vợ là Vũ Linh Gi và 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2018 đến ngày 06/11/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa (do bị giam trong vụ án khác).

16. Lại Đình Ch, sinh năm 1987; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Thôn Dương X2, xã Thanh H17, huyện Thanh L5, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lại Phi L6 và bà Nguyễn Thị L7; có vợ là Đình Thị Hiền L8 và 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Ngày 30/7/2009, Công an thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính về hành vi “Đánh nhau”;

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã ngày 29/12/2018 và bị tạm giữ đến ngày 02/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

17. Trần Đức A3, sinh ngày 11/01/2000; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số nhà 11, ngõ 12, phố Nguyễn Kh, phường Bạch Đ8, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị B1; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

18. Nguyễn Nam S1, sinh ngày 06/8/1999; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số nhà 35, phố An D2, phường Yên Ph1, quận Tây H18, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn D3 và bà Lê Thị Nh; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

19. Bùi Sơn T5, sinh năm 1992; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số nhà 370/C7, phố Tân M, phường Tân M, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Xuân S2 (đã chết) và bà Vũ Thị Bích Ng; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

17/8/2018 đến ngày 13/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin rút kháng cáo.

20. Kiều Ngọc B2, sinh ngày 01/12/1999; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 15/31/14, phố Vạn K, phường Bạch Đ, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; trú tại: Số 111, phố An Tr4, phường Quốc Tử Gi1, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Kiều Ngọc Th6 và bà Nguyễn Thị Th7; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

21. Phạm Hoàng Gi2 (Biệt danh: **Giang Be**), sinh năm 1995; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Tổ 8, phường Tương M, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Duy H19 và bà Đặng Thị Hương M3; có vợ là Nguyễn Ngọc L9 và 03 con; tiền án, tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 253/2012/HSPT ngày 17/5/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người”, (Phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi; được đặc xá ngày 30/8/2013);

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 10/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

22. Nguyễn Thanh B3, sinh năm 1996; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 40B, tổ 05, phố Tân M, phường Tân M, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; trú tại: Số nhà 21, ngõ 44, phố Nam D4, phường Lĩnh N, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân Tr4 và bà Vũ Thị Bích Th8; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 07/11/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

23. Bùi Đức L10, sinh năm 1997; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số 11, tổ 32A, phường Thịnh L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Công Th9 và bà Dương Khánh H20; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2018 đến

ngày 28/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

24. Nguyễn Tiến Đ3, sinh năm 1995; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số nhà 10, phố Bảo L12, phường Phúc T5, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đình Th10 và bà Hoàng Thị Tú A7; có vợ là Nguyễn Diệu H21 và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa;

- Nhân thân: Ngày 18/12/2018, Công an thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy (Bị xử phạt hành chính trong vụ án này khi bắt giữ phát hiện tàng trữ cần sa);

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2018 đến ngày 28/11/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

25. Phạm Văn L12, sinh năm 1990; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Thôn Liên X1, xã Hiển Kh1, huyện Vụ B4, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn Q3 và bà Đỗ Thị B5; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị truy nã, ra đầu thú ngày 17/01/2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

26. Nguyễn Đức A4, sinh năm 1986; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 17/164/9, phố Hồng M, phường Quỳnh L14, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; trú tại: Số nhà 181B, ngõ 364 phố Thái H (khu Công viên văn hóa Đồng Đ), phường Trung L, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Tr6 và bà Phạm Thị Ch; có vợ là Nguyễn Thị H22 và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo đầu thú ngày 26/11/2018; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

27. Nguyễn Hải N1, sinh năm 1994; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số nhà 50, ngách 06/15, phố Đặng Văn Ng1, phường Phương L15, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Th11 và bà Trần Thị Tuyết M2; có vợ là Nguyễn Thị Hồng Nh1; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị truy nã, ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 03/01/2019 đến ngày 05/01/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

28. Nguyễn Văn H23, sinh năm 1994; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Thôn Hoàng A8, xã Hoàng L16, huyện Hiệp H24, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H24 và bà Nguyễn Thị L17; có vợ là Lâm Thị Thúy H25 và 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2019 đến ngày 08/3/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

29. Trần Tuấn A5, sinh năm 1992; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 105, phố Bà Tr7, phường Nguyễn D5, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; trú tại: Số nhà 12/86, phố Thanh Nh2, phường Thanh Nh2, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Thanh H26 và bà Phạm Thị Đ9; có vợ là Trần Yến Nh3 và 03 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị truy nã và ra đầu thú ngày 01/4/2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

30. Nguyễn Quang L13, sinh năm 1999; đăng ký nhân khẩu thường trú và trú tại: Số nhà 02, ngõ D phố Vạn Ph, phường Kim M, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Tiến D6 và bà Đào Thị Th1; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị truy nã và ra đầu thú ngày 04/4/2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo Trần Nguyên H2, Tăng Xuân D, Lại Đình Ch:** Luật sư Nguyễn Văn B6 – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn B6 và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cầm đồ, cho vay lãi nên Mai Đức Th có quan hệ quen biết xã hội với nhiều đối tượng khác cũng làm nghề cầm đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội như: Dương Triệu M4 (Tức Minh “Con”; sinh năm

1983; trú tại: Số nhà 14, ngõ 87, phố Tam Trinh, phường Mai Đ1, quận Hoàng M, Hà Nội), Nguyễn Thế L18 (Tức L18 “Tẹt”; sinh năm 1996; trú tại: Phòng 104, nhà A, tập thể may Thăng Long, phường Vĩnh T1, quận Hai Bà Tr1, Hà Nội) và Nguyễn Thành L... Trong quá trình hoạt động kinh doanh, giữa nhóm của Dương Triệu M4 và Nguyễn Thế L18 có sự va chạm, mâu thuẫn với nhóm của Đỗ Văn Q4 (Tức Q4 “Rambo”; sinh năm 1984; trú tại: Số nhà 49, ngõ 105, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

Để giải quyết mâu thuẫn giữa nhóm của L18 “Tẹt” với Q4 “Rambo”, Th đã nói chuyện và bàn bạc với Nguyễn Thành L về việc tập hợp mọi người đến khu vực phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội để giải quyết mâu thuẫn với Q4 “Rambo”.

Ngày 26/7/2018, Th gọi điện thoại rủ Lê Hồng Đ2, Trần Nguyên H2, Hoàng Văn Đ10, Phạm Văn L12, Nguyễn Đức A4, Trần Tuấn A5, Bùi Văn D1, hai anh em Tăng Xuân M3 và Tăng Xuân D, Nguyễn Quang L13 và một số đối tượng khác là đàn em trong giới cầm đồ của Th tập trung tại cửa hàng cầm đồ của Nguyễn Thành L ở số 113 phố Vĩnh T1, phường Vĩnh T1, quận Hai Bà Tr1, Hà Nội để đi giải quyết mâu thuẫn. Nguyễn Thế L18 cũng gọi điện thoại cho Nguyễn Thành L, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3 bảo L, Gi2, B3 rủ thêm người đi cùng nhóm của L18 để giải quyết mâu thuẫn. Khi Th và L18 gọi điện thoại thì tất cả đều nhận thức là đi đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn giữa nhóm của L18 “Tẹt” và nhóm của Q4 “Rambo”. Sau đó, L gọi điện cho Nguyễn Tiến H13, Nghiêm Đức A2, Trần Ngọc L19, Bùi Đức L10, Nguyễn Ngọc Q1. Bùi Văn D1 gọi điện rủ Nguyễn Văn A6; Nguyễn Văn A6 rủ Đặng Hồng Ph đến tập trung tại quán cầm đồ của Nguyễn Thành L ở số 113, phố Vĩnh T1. Nguyễn Tiến Tr8 (Sinh năm 1989; trú tại: Thôn Nông Kh2, xã Hùng T6, huyện Mỹ Đ11, Hà Nội) gọi điện rủ Nguyễn Thành D7, Triệu Văn Th3. Lê Hồng Đ2 gọi điện cho Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Nguyễn Minh T7, Bùi Sơn T5, Kiều Ngọc B2, Nguyễn Tiến Đ3 và Nguyễn Hải N1. Trần Nguyên H2 gọi điện cho Nhữ Gia H9, Nguyễn Tiến M4, Lại Đình Ch và Nguyễn Vĩnh L20. Phạm Văn L12 rủ Nguyễn Văn Công cùng đi đánh nhau, giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 20 giờ ngày 26/7/2018, tại cửa hàng cầm đồ của Nguyễn Thành L ở số 113, phố Vĩnh T1 có khoảng 50 đối tượng tụ tập trong đó có: Mai Đức Th, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến H13, Nghiêm Đức A2, Nguyễn Ngọc Q1, Bùi Văn D1, Trần Ngọc L19, Bùi Đức L10, Nguyễn Văn A6, Đặng Hồng Ph, Nguyễn Tiến Tr8, Nguyễn Thành D7, Triệu Văn Th3, Tăng Xuân M3, Nguyễn Đức A4, Nguyễn Văn H23, Phạm Văn L12, Nguyễn Văn Công, Hoàng Văn Đ5,

Trần Tuấn A5, Nguyễn Quang L13, Phạm Hoàng Gi2 và Nguyễn Thanh B3. Mai Đức Th đi xe ô tô Honda CRV màu trắng, biển kiểm soát 30-E-021.86; còn các đối tượng khác đi xe mô tô. Tại đây, Nguyễn Tiến Tr8 bảo Trần Ngọc L19 soi đèn để Tr8 lấy hung khí gồm 05 - 06 tuýp sắt có đầu nhọn (Đề trong cửa hàng nhà L) đưa cho Nghiêm Đức A2, Nguyễn Văn A6, Trần Ngọc L19, Tr8... mỗi người 01 tuýp sắt. Sau đó, L ở lại trông cửa hàng, các đối tượng còn lại di chuyển đến khu vực cổng Công ty Cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì tại đường Nguyễn Khoái, phường Thanh Trì, quận Hoàng M, Hà Nội. Khi nhóm của Th đi từ quán cầm đồ của L ở số 113 Vĩnh T1 thì Tăng Xuân D bắt xe ôm đi từ nhà ở số 102, ngõ 87, phố Láng H, phường Trung L, quận Đống Đ, Hà Nội đến số nhà 113 Vĩnh T1 thì thấy nhóm của Th đã đi rồi nên đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn C1. Sau đó, Tăng Xuân D đến khu vực chân cầu Vĩnh T1 nhập cùng với nhóm của Th. Khi các đối tượng đến khu vực cổng Nhà máy sứ Thanh Trì thì Nguyễn Thế L18 đi xe ô tô Mazda màu trắng (Không rõ biển kiểm soát) cùng khoảng hơn 40 đối tượng khác đi xe mô tô các loại đến tập hợp cùng với nhóm của Mai Đức Th, tổng số khoảng hơn 100 đối tượng. Lúc này, có 01 chiếc xe ô tô tải (Không rõ biển kiểm soát) chở rất nhiều hung khí là đao, kiếm, dao bầu, tuýp sắt gắn dao nhọn...đi đến. Người trong nhóm của Nguyễn Thế L18 xuống mở thùng xe ô tô tải, lấy hung khí phát cho mọi người. Ngoài hung khí, các đối tượng còn được nhận khẩu trang và khăn quàng đỏ để đeo lên người nhằm tránh nhầm lẫn khi đánh nhau với nhóm của Q4 “Rambo”.

Sau khi nhận được hung khí và đeo khăn quàng đỏ, Mai Đức Th điều khiển xe ô tô chở Trần Tuấn A5 đi trước, Nguyễn Thế L18 điều khiển xe ô tô Mazda đi sau; các đối tượng còn lại đi trên khoảng 40 xe mô tô, mỗi xe chở từ 2-3 người (Phần lớn những người ngồi sau đều cầm hung khí), đi từ khu vực cổng Nhà máy sứ Thanh Trì lên đường vành đai 3 trên cao (Là đường cấm mô tô, mô tô) đến khu vực phố Duy Tân, quận Cầu Giấy. Trong đó, Bùi Văn D1 cầm 01 gậy tuýp có gắn dao nhọn dài khoảng 02m, ngồi giữa xe mô tô Honda Wave màu xanh, không đeo biển kiểm soát đi cùng 02 đối tượng khác (Chưa xác định nhân thân). Đặng Hồng Ph điều khiển xe mô tô Piaggio Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29-K1-313.25 chở Nguyễn Văn A6 ngồi sau cầm 02 đao kim loại tự chế. Trần Ngọc L19 điều khiển xe Honda SH màu trắng, không biển kiểm soát chở Nghiêm Đức A2 ngồi giữa cầm 01 tuýp sắt một đầu vót nhọn, dài khoảng hơn 01m và Bùi Đức L10 ngồi sau cùng cầm 01 tuýp sắt nhọn đầu dài khoảng hơn 01 mét. Nguyễn Tiến H13 cầm 01 tuýp sắt được phát từ ô tô tải, ngồi sau xe của một nam thanh niên (Chưa xác định). Nguyễn Ngọc Q1 cầm 01 thanh đao chuôi

gỗ, dài khoảng 80cm, ngồi sau một xe mô tô Honda SH màu mận (Chưa rõ biển kiểm soát) cùng 02 thanh niên (Chưa xác định nhân thân, đối tượng ngồi giữa cầm 01 gậy tuýp sắt nhọn đầu, dài khoảng 1,3-1,5m). Triệu Văn Th3 điều khiển xe mô tô Honda Wave không biển kiểm soát chở Nguyễn Thành D7 ngồi giữa cầm 01 tuýp sắt dài khoảng 80cm và đối tượng tên Cường (Chưa xác định được nhân thân) ngồi sau cùng cầm một tuýp sắt gắn dao dài khoảng 1,5m. Tăng Xuân M3 điều khiển xe mô tô Piagio Vespa LX, màu cam biển kiểm soát 29-E1-384.85 chở 02 đối tượng không quen biết đều cầm gậy tuýp gắn dao. Phạm Văn L12 và Nguyễn Văn C1 mỗi người cầm 01 con dao dài khoảng 50cm đi xe taxi. Hoàng Văn Đ5 đi một mình trên mô tô Honda Wave (Không rõ biển kiểm soát), không cầm theo hung khí. Nguyễn Thanh B3 điều khiển xe Honda SH màu đen, biển kiểm soát 29-H1-926.83 (Dùng khẩu trang được phát để bịt biển kiểm soát) chở Phạm Hoàng Gi2 cầm 01 tuýp sắt đầu gắn dao dài khoảng 1,5m, đeo khăn quàng đỏ và khẩu trang. Nguyễn Đức A2 đi xe Honda SH màu trắng chở theo 02 đối tượng không quen biết, trong đó đối tượng ngồi giữa cầm 01 con dao quắm. Nhữ Gia H9 ngồi giữa mô tô Honda Wave (không rõ biển kiểm soát) chở 02 thanh niên không quen biết, đối tượng ngồi sau cùng cầm 01 gậy tuýp sắt dài khoảng 1,5m gắn dao nhọn. Nguyễn Quang L13 điều khiển mô tô chở đối tượng tên Huy (chưa xác định được nhân thân). Tăng Xuân D không cầm hung khí ngồi sau một thanh niên (không xác định) điều khiển mô tô Honda Wave màu xanh. Trên đường đi, các đối tượng hò hét, chen ép các phương tiện giao thông trên đường đồng thời giơ hung khí lên trên hò hét, thị uy làm cản trở giao thông.

Trong quá trình, Th cùng khoảng hơn 100 đối tượng tụ tập tại khu vực cổng nhà máy Sứ Thanh Trì thì Th tiếp tục gọi điện thoại cho Trần Nguyên H2 hẹn H2 khoảng 22h tập trung tại khu vực cổng Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì. H2 đồng ý và nói lại cho Ch, H9, M3, L10 biết. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, L10 điều khiển mô tô Honda SH của H2 (không nhớ biển kiểm soát) chở H2 đi lên khu cổng nhà máy sứ Thanh Trì trước còn M3, Ch đi đón H9 ở chân cầu Vĩnh T1 vì H9 không biết đường lên nhà máy Sứ. Khi H2, L10 đến cổng nhà máy sứ Thanh Trì thì nhóm Th đã đi trước, H2 gọi điện thoại cho Th thì Th bảo nhóm H2 đi lên đường Vành đai 3 trên cao rồi về phố Duy Tân, Cầu Giấy để tập trung. Khoảng 05 - 10 phút sau khi Ch, M3, H9 đến thì cả nhóm H2 gồm 05 người là L10 đi máy Honda SH chở H2; Ch đi mô tô Wave biển kiểm soát 29E1- 986.34 của Ch chở M3; H9 đi một mình trên mô tô Piagio Vespa LX biển kiểm soát 29G1- 001.07 của H9 cùng đi lên đường Vành đai 3 trên cao về

phố Duy Tân nhập vào cùng nhóm của Th. Khi đi, H9 mang từ nhà 01 con dao bầu dài khoảng 30cm để dưới tấm đệm chân của mô tô H9 điều khiển.

Khi nhóm của Th đi từ khu vực cổng nhà máy Sứ đến khu vực phố Duy Tân, Cầu Giấy thì nhóm của Lê Hồng Đ2 gồm: Trần Đức A3, Kiều Ngọc B2, Nguyễn Nam S1, Nguyễn Minh T7, Nguyễn Tiến Đ3, Nguyễn Hải N1 và Bùi Sơn T5 (đều là đàn em xã hội làm nghề cho vay lãi cùng Đ2) đã tập trung tại cửa hàng cầm đồ của Đ2 ở ngõ 158 Trương Đ4, phường Trương Đ4, Hoàng M, Hà Nội. Sau đó, T7 chở Đ2 bằng mô tô SH màu xanh, biển kiểm soát 29D1- 494.82. N1 chở B2 bằng mô tô Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 29D2-109.44. Nguyễn Tiến Đ3 chở Đức A2 bằng mô tô Honda SH (không rõ biển kiểm soát). S1 chở T5 bằng mô tô Wave Alpha màu trắng, không đeo biển kiểm soát đi từ cửa hàng cầm đồ của Đ2 đến đường Tam Trinh (lúc này các đối tượng không mang theo hung khí) thì Th gọi điện thoại cho Đ2 nói nhóm Th đã di chuyển và bảo nhóm của Đ2 đến phố Duy Tân, Cầu Giấy để nhận hung khí chuẩn bị đánh nhau. Sau đó, nhóm của Đ2 di chuyển theo hướng Tam Trinh - Trần Khát Chân - Đại Cồ Việt - Xã Đàn - Đê La Thành - Cầu Giấy - Trần Thái Tông - Duy Tân. Khi đến phố Duy Tân, nhóm của Đ2 gặp nhóm của Mai Đức Th và nhận hung khí, cụ thể: Lê Hồng Đ2 cầm 01 gậy tuýp sắt dài khoảng 1,5m một đầu vót nhọn; T5 cầm 01 con dao nhọn dài khoảng 50cm (dạng dao mèo); Đức A2 cầm 01 gậy tuýp sắt dài khoảng 1,5m một đầu nhọn; Nguyễn Tiến Đ3 được 01 đối tượng đặt lên xe 01 gậy bóng chày dài hơn 01m; B2 cầm 01 gậy tuýp sắt dài khoảng 1,5m.

Quá trình các đối tượng di chuyển từ khu vực cổng nhà máy Sứ Thanh Trì đến khu vực phố Duy Tân đã bị quần chúng nhân dân phát hiện và báo cho Trung tâm Cảnh sát 113 Công an thành phố Hà Nội. Sau khi tiếp nhận tin báo, Trung tâm 113 đã thông báo và điều động các đơn vị gồm: Lực lượng Cảnh sát 113 Công an các quận Hai Bà Tr1, Hoàng M, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, đội Cảnh sát 113 số 1, số 2 thuộc Phòng Cảnh sát trật tự Công an thành phố Hà Nội để xử lý. Phòng Cảnh sát trật tự, Công an thành phố Hà Nội cũng cử 14 đồng chí đi trên 03 xe ô tô công vụ mang biển kiểm soát 29A- 010.72, 29A- 021.77 và 29A- 011.20; Công an quận Cầu Giấy cử 13 đồng chí đi trên 01 xe ô tô công vụ mang biển kiểm soát 31A- 6287 và một số đồng chí đi mô tô đến phố Duy Tân để làm nhiệm vụ.

Khi tổ công tác của Phòng Cảnh sát trật tự Công an thành phố Hà Nội và Công an quận Cầu Giấy đến phố Duy Tân thì phát hiện các đối tượng đang di chuyển vào phố Duy Tân tụ tập đổ mô tô giữa lòng đường, bóp còi xe và hò hét

gây mất trật tự. Tổ công tác đã gọi loa yêu cầu các đối tượng dừng xe, bỏ vũ khí chấp hành theo hiệu lệnh của tổ công tác. Tuy nhiên, các đối tượng đã không chấp hành, tăng ga bỏ chạy về nhiều hướng để tẩu thoát, tổ công tác đã chia làm nhiều mũi để truy bắt, không chế các đối tượng. Trên đường bỏ chạy đến đoạn ngã 3 phố Duy Tân - Phạm Hùng, một số đối tượng đã quá khích có hành vi ném tuýp gắn dao trúng vào đầu xe ô tô công vụ với mục đích chống trả để tẩu thoát, buộc tổ công tác đã phải nổ súng đạn cao su bắn chỉ thiên trấn áp, tuy nhiên các đối tượng tiếp tục vút lại hung khí và bỏ chạy. Khi tổ công tác truy đuổi các đối tượng tới đường Nguyễn Phong Sắc đã trấn áp, bắt giữ được Nguyễn Văn A6 và Đặng Hồng Ph đang đi trên 01 chiếc mô tô Piaggio Liberty màu trắng, mang biển kiểm soát 29K1-313.25. Các đối tượng khác chạy về tập kết tại khu vực hồ Ba Mẫu thuộc phường Phương Liên, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội, sau đó bỏ trốn.

Quá trình bắt giữ A6 và Ph, Cơ quan Công an đã thu giữ của A6 số vật chứng gồm: 02 thanh đao tự chế dài khoảng 1m, bản rộng 10cm, chuôi dài khoảng 40cm; 01 thanh kim loại dài khoảng 2m, đầu gắn 01 dao chọc tiết lợn dài khoảng 20cm; 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen và 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu vàng bị vỡ màn hình có số Imei 354393064513428; Thu giữ của Ph 01 mô tô nhãn hiệu Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29K1-313.25 và 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen.

Hậu quả: Xe ô tô công vụ mang biển kiểm soát 29A 010.72 của Phòng Cảnh sát trật tự Công an thành phố Hà Nội bị 01 vết thủng, lõm vỏ xe có kích thước (01x03) cm tại đầu bên trái xe ô tô. Xe ô tô công vụ biển kiểm soát 31A-6287 của Đội Cảnh sát 113 Công an quận Cầu Giấy bị tróc sơn kích thước (05x08)cm.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 08 giờ ngày 27/7/2018 do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Cầu Giấy, Hà Nội thực hiện, xác định: "... Hiện trường vụ án được xác định là khu vực phố Duy Tân đầu đường tiếp giáp và cách đường Phạm Hùng 30 mét. Đầu phố Duy Tân (hướng Phạm Hùng vào) bên trái là vỉa hè lát gạch bát giác rộng 400cm, tiếp giáp là khu vực tường bao nhà máy nước Phần Lan. Phía bên phải là khu vực trụ sở Ngân hàng BIDV và công trường Dreamland Bonanza cách cổng công trường 565cm đến tâm lớp bên phải, cách cổng công trình 570cm đến tâm lớp sau bên phải xe ô tô trật tự 113 mang biển kiểm soát 31A- 6287. Đây là vị trí xe dừng đỗ xe, tại đây xe bị đập phá, cách lớp phải 80cm, gương phải 110cm có vết bong tróc toàn bộ sơn bên ngoài và lõm vỏ chiều hướng tác động từ đuôi xe đến đầu xe từ trên xuống dưới

từ phải qua trái có diện (8x5)cm. Cách vị trí xe mang biển kiểm soát 31A- 6287 28 mét về phía đường Phạm Hùng, lớp xe bên phải cách mép vỉa hè tiếp giáp nhà máy nước Phần Lan 260cm, lớp trái cách mép vỉa hè nhà máy nước Phần Lan 170cm là vị trí xe mang biển kiểm soát 29A- 010.72 đứng chặn.

Tại vị trí khu vực trên đường Phạm Hùng, đối diện chân cầu vượt Mai Dịch, cách đường hầm đi bộ H2: 33 mét trên đường tránh đi Xuân Thủy là vị trí xe mang biển kiểm soát 29A- 010.72 bị đập phá. Tại phần nắp ca pô của xe B mang biển kiểm soát 29A- 010.72 phía trước khu vực bên ghé lái từ giữa lớp trái lên 66cm cách gương trái 73cm là nơi có 01 vết lõm phần vỏ do ngoại lực tác động chiều hướng từ trên xuống dưới từ phải qua trái, diện (3x1)cm; cách vết trên 10cm có vết xước sơn làm lõm vỏ do ngoại lực tác động từ trên xuống từ phải qua trái. Tại vị trí nắp ca pô bên trái cách gương phải 120 cm có vị trí xước sơn chiều hướng từ trái qua phải từ trên xuống đường diện (12x3)cm, vết xước mờ cách vết trên 35cm cách tâm lớp phải 83cm cách gương 80cm có vị trí trượt xước sơn diện (7x1)cm”...

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm: 05 tuýp nước kim loại dài khoảng 1,46m, đường kính 2,5cm, 02 giáo kim loại dài 1,7m, 02 dao kim loại dài 1,58m, 01 móc kim loại dài 1,21m và 17 khăn quàng màu đỏ.

Để phục vụ cho công tác điều tra, truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành thu giữ được nhiều Clip ghi lại hình ảnh của các đối tượng khi di chuyển trên đường vành đai 3 trên cao qua hệ thống Camera giao thông D3 Giải Phóng - Pháp Vân, được lắp tại đường Vành đai 3 trên cao.

Quá trình điều tra, các bị cáo Mai Đức Th, Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến H13, Nghiêm Đức A2, Nguyễn Ngọc Q1, Bùi Văn D1, Trần Ngọc L19, Bùi Đức L10, Nguyễn Thành D7, Tăng Xuân M3, Nguyễn Đức A2, Nguyễn Văn H23, Phạm Văn L12, Hoàng Văn Đ5, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Lê Hồng Đ2, Trần Đức A3, Kiều Ngọc B2, Nguyễn Nam S1, Nguyễn Minh T7, Bùi Sơn T5, Nguyễn Tiến Đ3, Nguyễn Hải N1, Trần Nguyên H2, Lại Đình Ch, Nhữ Gia H9, Nguyễn Tiến M4, Trần Tuấn A5, Nguyễn Quang L13, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Vĩnh L20, Tăng Xuân D, Triệu Văn Th3 lần lượt bị Cơ quan điều tra bắt giữ. Riêng Nguyễn Thế L18 và Nguyễn Tiến Tr8 hiện vẫn đang bỏ trốn. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu của các bị cáo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 432/TCKH-BBĐGHĐ ngày 19/10/2018 và số 433/TCKH-BBĐGHĐ ngày 20/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cầu Giấy, xác định: Thiệt hại của xe ô tô mang biển kiểm soát 31A-6287 là 825.000 đồng và thiệt hại của xe ô tô mang biển kiểm soát 29A-101.72 là 2.600.000 đồng.

Đối với những chiếc mô tô Cơ quan điều tra thu giữ, xác định: Chiếc mô tô Piaggio Vespa LX, màu cam, biển kiểm soát 29E1- 384.85 thu giữ của bị cáo Tăng Xuân M3 là do M3 mượn của vợ M3 là chị Vũ Linh Gi3 (sinh năm 1993; trú tại số 102, ngõ 87 Láng H, Trung L, Đống Đ, Hà Nội); chiếc mô tô Honda SH màu xanh, biển kiểm soát 29D1- 494.82 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe số 051190 thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T7 là do T7 mượn của mẹ vợ là bà Phạm Thị Mai Anh (sinh năm 1974; trú tại số 3, ngõ 92, phố Trương Đ4, Trương Đ4, quận Hai Bà Tr1, Hà Nội); chiếc mô tô Honda SH màu đen xám, biển kiểm soát 29U1- 045.67 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe số 002767 thu giữ của bị can Nguyễn Thành L là của vợ L - chị Đào Thị H5 (sinh năm 1990; trú tại xã Bình Mỹ, huyện Bình L1, tỉnh Hà Nam). Do chị Gi3, chị H5 và bà Mai Anh không biết các bị cáo dùng mô tô vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại số mô tô trên cho chị Gi3, chị H5 và bà Mai Anh. Ngoài ra, còn một số mô tô các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, sau khi phạm tội các bị cáo đã bán đi cho người không quen biết nên không có cơ sở để thu hồi.

Đối với Nguyễn Thế L18, Nguyễn Tiến Tr8 đã bị Cơ quan điều tra khởi tố bị can về tội Gây rối trật tự công cộng, hiện đang bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 28/9/2018 và 27/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định truy nã và quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với L18 và Tr8, khi nào bắt giữ được sẽ xử lý sau.

Kết quả điều tra chưa đủ cơ sở quy kết hành vi phạm tội của các đối tượng Đặng Quang Huy, Phạm Quang Hiệp, Sỹ Văn Khôi, Đồng Văn Nam, Đồng Minh Thành và Lương Thế Chung; chưa làm rõ hành vi và nhân thân của các đối tượng Cường, Đ2 “he”, Đức A2 “ty”, Việt, Thắng “chè”, Đức “béo”, T5 “chuột”...Do đó, Cơ quan điều tra đã quyết định tách hành vi của các đối tượng trên để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi chống người thi hành công vụ và hủy hoại tài sản, do chưa xác định được các đối tượng cụ thể đã thực hiện hành vi nêu trên nên Cơ quan điều tra đã tách phần hồ sơ liên quan để tiếp tục đấu tranh làm rõ. Đối với Đỗ Văn Q4 (tức Q4 “RAMBO”) và Dương Triệu M4 (Minh “con”), do tài liệu điều

tra không có căn cứ để xác định Q4 và M4 tham gia vào vụ án trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q4 và M4.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 399/2019/HSST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Mai Đức Th, Trần Nguyên H2, Nguyễn Thành L, Lê Hồng Đ2, Tăng Xuân D, Hoàng Văn Đ5, Triệu Văn Th3, Nhữ Gia H9, Bùi Văn D1, Nghiêm Đức A2, Nguyễn Tiến H13, Nguyễn Ngọc Q1, Nguyễn Văn A6, Đặng Hồng Ph, Tăng Xuân M3, Lại Đình Ch, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Bùi Sơn T5, Kiều Ngọc B2, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Bùi Đức L10, Nguyễn Tiến Đ3, Phạm Văn L12, Nguyễn Đức A4, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Văn H23, Trần Tuấn A5 và Nguyễn Quang L13 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Mai Đức Th **54** (Năm mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2018.

2.2) Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Trần Nguyên H2 **48** (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2018.

2.3) Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Tăng Xuân D **48** (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2019.

2.4) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Thành L **48** (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018).

2.5) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Lê Hồng Đ2 **40** (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 21/12/2018).

2.6) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình

sự năm 2017, xử phạt Hoàng Văn Đức **36** (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.7) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Triệu Văn Th3 **36** (Ba mươi sáu) tháng tù; tổng hợp với hình phạt **09** (Chín) tháng tù của Bản án số 61/2017/HS-ST ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Tr2, tỉnh Nam Định; buộc Triệu Văn Th3 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **45** (Bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/7/2019, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của bản án trước (Từ ngày 25/8/2017 đến ngày 02/10/2017).

2.8) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nhữ Gia H9 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 13/8/2018 đến ngày 10/01/2019).

2.9) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Bùi Văn D1 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 25/12/2018).

2.10) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nghiêm Đức A2 **28** (Hai mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018).

2.11) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Tiến H13 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018).

2.12) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Ngọc Q1 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 25/12/2018).

2.13) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt

Nguyễn Văn A6 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 27/7/2018 đến ngày 23/12/2018).

2.14) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Đặng Hồng Ph **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 27/7/2018 đến ngày 23/12/2018).

2.15) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Tăng Xuân M3 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 09/8/2018 đến ngày 06/11/2018).

2.16) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Lại Đình Ch **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/12/2018 đến ngày 02/01/2019).

2.17) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Trần Đức A3 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019).

2.18) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Nam S1 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019).

2.19) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Bùi Sơn T5 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019).

2.20) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Kiều Ngọc B2 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ

ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019).

2.21) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Phạm Hoàng Gi2 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 10/01/2019).

2.22) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Thanh B3 **28** (Hai mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 07/11/2018).

2.23) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Bùi Đức L10 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 28/01/2019).

2.24) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Tiến Đ3 **32** (Ba mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 11/9/2018 đến ngày 28/11/2018).

2.25) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Phạm Văn L12 **24** (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.26) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Đức A2 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.27) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Hải N1 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 05/01/2019).

2.28) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn H23 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 08/3/2019).

2.29) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Trần Tuấn A5 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.30) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Quang L13 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Ngọc L19, Nguyễn Thành D7, Nguyễn Tiến M4, Nguyễn Minh T7, Nguyễn Vĩnh L20; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2019, bị cáo Nguyễn Đức A2, Nguyễn Quang L13 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/12/2019, bị cáo Phạm Văn L12 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 05/12/2019, bị cáo Lê Hồng Đ2 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 05/12/2019, bị cáo Trần Nguyên H2, Tăng Xuân D, Nghiêm Đức A2, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Tiến H13, Nguyễn Ngọc Q1, Nguyễn Văn A6, Đặng Hồng Ph, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Bùi Sơn T5, Kiều Ngọc B2, Bùi Đức L10, Nguyễn Hải N1, Trần Tuấn A5 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 09/12/2019, bị cáo Mai Đức Th, Triệu Văn Th3, Bùi Văn D1, Nguyễn Văn H23 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Lại Đình Ch kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Tiến Đ3 kháng cáo cho rằng không phạm tội.

Ngày 10/12/2019, bị cáo Tăng Xuân M3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/12/2019, bị cáo Hoàng Văn Đức kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/12/2019, bị cáo Nhữ Gia H9 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Bùi Sơn T5 có đơn xin rút kháng cáo. Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nhữ Gia H9, Bùi Đức L10, Nguyễn Tiến H13 thay đổi kháng cáo từ xin hưởng án treo sang xin giảm hình phạt; các bị cáo Nghiêm Đức A2, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Nguyễn Đức A2, Nguyễn Văn H23, Nguyễn Quang L13 thay đổi kháng cáo từ xin giảm hình phạt sang xin hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Tiến Đ3 kháng cáo cho rằng không phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm quy kết là không oan, bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Các bị cáo khác vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm, việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo tương ứng về tội “Gây rối trật tự công cộng” như đã tuyên là đúng, các bị cáo rất ân hận về việc làm của mình. Các bị cáo cho rằng mức hình phạt đối với bị cáo là nặng, các bị cáo đề nghị xin giảm hình phạt, có bị cáo xin được hưởng án treo và xuất trình biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình; thân nhân các bị cáo...

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” tương ứng với từng bị cáo như đã tuyên là đúng người, đúng tội, không oan; hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, là tác nhân gây ra tội phạm khác, bị pháp luật hình sự ngăn chặn mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương...với tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra cần có mức hình phạt phù hợp, đảm bảo tác dụng để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị đối với từng bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Bùi Sơn T5 đã có đơn xin rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Đức Th, Trần Nguyên H2, Tăng Xuân D, Trần Tuấn A5, Hoàng Văn Đ5, Nghiêm Đức A2, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Nguyễn Đức A2; Giảm hình phạt cho các bị cáo như sau: Bị cáo Th giảm từ 6-9 tháng tù, bị cáo H2 giảm từ 6-9 tháng tù, bị cáo Tăng Xuân D giảm từ 6-9 tháng tù, bị cáo Trần Tuấn A5 giảm 06 tháng tù, bị cáo Hoàng Văn Đ5 giảm 06 tháng tù; Các bị cáo Nghiêm Đức A2, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Nguyễn Đức A4 giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Đối với các bị cáo khác, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Nguyên H2, Tăng Xuân D, Lại Đình Ch trình bày: Không có ý kiến gì về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa các bị cáo có thêm tình tiết mới, cụ thể: Bị cáo H2 hiện nay đang bị lao phổi, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, có thân nhân là liệt sỹ Trần Nguyên Hải, bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Tăng Xuân D bị HIV/Lao phổi-Viêm da-Nhiễm trùng cơ hội- Suy kiệt cơ thể. Bị cáo Ch cũng phải điều trị bệnh, theo chẩn đoán của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên thì bị cáo bị Chấn thương bụng kín, vỡ gan, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện thái độ chấp hành pháp luật ăn năn, hối cải. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử xem xét yếu tố đồng phạm quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự để chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo Trần Nguyên H2, Tăng Xuân D, Lại Đình Ch. Ngoài ra, cũng cần xem xét các bị cáo không có hành vi đập phá xe công vụ của Công an nên có thể cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của luật sư và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiền hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của các bị cáo đảm bảo hình thức và trong hạn luật định, nên xác định là hợp lệ, được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bị cáo Tăng Xuân M3 vắng mặt tại phiên tòa vì bị giam trong vụ án khác do Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã làm thủ tục trích xuất bị cáo đúng theo quy định nhưng không trích xuất được bị cáo vì lý do khách quan. Mặt khác, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, việc xét xử không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo nên căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại

phiên tòa sơ thẩm; trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người làm chứng; lời khai của những người liên quan; Biên bản kiểm tra, bản ảnh, video trích xuất Camera; các tang vật chứng thu giữ; các Biên bản, sơ đồ và bản ảnh khám nghiệm hiện trường, kiểm tra phương tiện, điện thoại; các Bản kết luận định giá tài sản; các Biên bản nhận dạng; các công văn đề nghị của chính quyền và đoàn thể các cấp; các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở khẳng định:

Do có mâu thuẫn trước đó giữa nhóm của Nguyễn Thế L18 (*Tức L18 “Tẹt”*) với nhóm của Đỗ Văn Q4 (*Tức Q4 “Rambo”*) nên ngày 26/7/2018, Mai Đức Th và Nguyễn Thế L18 đã bàn bạc, gọi điện thoại huy động các nhóm đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, tập hợp lực lượng, chuẩn bị hung khí, mục đích đi đánh nhau với nhóm của Đỗ Văn Q4 “*Rambo*” để giải quyết mâu thuẫn. Th đã gọi điện cho Lê Hồng Đ2, Trần Nguyên H2, Hoàng Văn Đ5, Phạm Văn L12, Nguyễn Đức A4, Trần Tuấn A5, Bùi Văn D1, Tăng Xuân M3, Tăng Xuân D, Nguyễn Văn H23, Nguyễn Quang L13. Bùi Văn D1 gọi điện rủ Nguyễn Văn A6; A6 rủ Đặng Hồng Ph. Phạm Văn L12 rủ Nguyễn Văn C1. Nguyễn Thế L18 gọi điện cho Nguyễn Thành L, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3. Nguyễn Thành L gọi điện cho Nguyễn Tiến H13, Nghiêm Đức A2, Trần Ngọc L19, Bùi Đức L10, Nguyễn Ngọc Q1. Nguyễn Tiến Tr8 rủ Nguyễn Thành D7, Triệu Văn Th3. Lê Hồng Đ2 gọi điện cho Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Nguyễn Minh T7, Bùi Sơn T5, Kiều Ngọc B2, Nguyễn Tiến Đ3, Nguyễn Hải N1. Trần Nguyên H2 gọi điện cho Nhữ Gia H9, Nguyễn Tiến M4, Lại Đình Ch, Nguyễn Vĩnh L20. Tất cả đều đồng ý đi đánh nhau với nhóm của Q4 “*Rambo*” để giải quyết mâu thuẫn cho Nguyễn Thế L18 (*L18 “Tẹt”*).

Khoảng 20 giờ ngày 26/7/2018, Th, L, Hoàng, Nghiêm Đức A2, Q1, Duy, Ngọc L19, Đức L10, A6, Ph, Tr8, D7, Th3, M3, Nguyễn Đức A4, H9, Văn L12, C1, Đức, Tuấn A5, Quang L13, Gi2, D, B3 cùng nhiều đối tượng khác tập trung tại cửa hàng cầm đồ của Nguyễn Thành L ở số 113 phố Vĩnh T1, quận Hai Bà Tr1. Nguyễn Tiến Tr8 lấy 05 - 06 tuýp sắt có đầu nhọn đưa cho Đức A2, Nguyễn Văn A6, Trần Ngọc L19, Nguyễn Tiến Tr8... cầm. Sau đó, theo sự chỉ đạo của Mai Đức Th, tất cả đi đến khu vực cổng Công ty Cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì tại đường Nguyễn Khoái, phường Thanh Trì, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội. Tại đây, nhóm của Th tập kết cùng với khoảng hơn 40 đối tượng khác thuộc nhóm của L18 “*Tẹt*” thành một đoàn khoảng 100 đối tượng nhận hung khí và khăn quàng đỏ do L18 “*Tẹt*” chuẩn bị. Sau đó, Th điều khiển xe ô tô chở Trần Tuấn A5, L18 “*Tẹt*” điều khiển xe ô tô đi trước; còn Bùi Văn Duy cầm

một tuýp sắt gắn dao nhọn dài khoảng 02m, ngồi giữa một mô tô Honda Wave màu xanh, không đeo biển kiểm soát đi cùng hai đối tượng khác. Ph điều khiển mô tô Piaggio Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29K1-313.25 chở A6 ngồi sau cầm 02 dao kim loại tự chế. Trần Ngọc L19 điều khiển xe Honda SH màu trắng, không đeo biển kiểm soát chở Nghiêm Đức A2 ngồi giữa cầm 01 gậy tuýp sắt một đầu vót nhọn, dài khoảng hơn 01m và Bùi Đức L10 ngồi sau cùng cầm 01 gậy tuýp sắt nhọn đầu dài khoảng hơn 01 mét. H13 cầm 01 gậy tuýp sắt được phát từ ô tô tải, ngồi sau mô tô của một nam thanh niên. Q1 cầm 01 thanh dao chuôi gỗ, dài khoảng 80cm, ngồi sau một mô tô Honda SH màu mận cùng 2 thanh niên (chưa xác định nhân thân, đối tượng ngồi giữa cầm 01 gậy tuýp sắt nhọn đầu, dài khoảng 1,3 -1,5m). Th3 điều khiển mô tô Honda Wave không đeo biển kiểm soát chở D7 ngồi giữa cầm 01 gậy tuýp sắt dài khoảng 80cm và đối tượng tên Cường (chưa xác định được nhân thân) ngồi sau cùng cầm một gậy tuýp sắt gắn dao dài khoảng 1,5m. Tăng Xuân M3 điều khiển mô tô Piaggio Vespa LX, màu cam, biển kiểm soát 29E1-384.85 chở 02 đối tượng không quen biết đều cầm gậy tuýp gắn dao. Phạm Văn L12 và Nguyễn Văn C1 mỗi người cầm 01 con dao dài khoảng 50cm đi xe taxi. Hoàng Văn Đ5 đi 1 mình trên mô tô Honda Wave (không xác định biển kiểm soát), không cầm theo hung khí. Nguyễn Thanh B3 điều khiển xe Honda SH màu đen, biển kiểm soát 29H1-926.83 (B3 dùng khẩu trang được phát để bịt biển kiểm soát) chở Phạm Hoàng Gi2 cầm 01 gậy tuýp sắt đầu gắn dao (loại dao rựa) dài khoảng 1,5m, đeo khăn quàng đỏ và khẩu trang. Nguyễn Đức A4 đi mô tô Honda SH màu trắng chở theo 02 đối tượng không quen biết, trong đó đối tượng ngồi giữa cầm 01 con dao quắm. H9 ngồi giữa mô tô Honda Wave (không rõ biển kiểm soát) chở 02 thanh niên không quen biết, đối tượng ngồi sau cùng cầm 01 gậy tuýp sắt dài khoảng 1,5m gắn dao nhọn. Nguyễn Quang L13 điều khiển mô tô chở đối tượng tên H9 (chưa xác định được nhân thân). Tăng Xuân D không cầm hung khí ngồi sau một thanh niên (không xác định) điều khiển mô tô Honda Wave màu xanh cùng với nhiều đối tượng khác. Cả đoàn có khoảng 43 mô tô mỗi xe chở 2 - 3 người cầm hung khí ngồi sau di chuyển đến khu vực phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bằng đường vành đai 3 trên cao. Trên đường đi, các bị cáo cùng với các đối tượng khác hò hét, chen ép các phương tiện giao thông trên đường đồng thời giơ cao hung khí lên trên hò hét, thị uy làm cản trở giao thông và mất trật tự công cộng.

Nhóm của Trần Nguyên H2 gồm: H2, Lại Đình Ch, Nhữ Gia H9, Nguyễn Vĩnh L20 và Nguyễn Tiến M4 đến khu vực cổng nhà máy Sứ thì đoàn của Th và

L18 “Tẹt” đã đi trước nên H2, Ch, H9, L10, M3 điều khiển mô tô đi theo đường vành đai 3 trên cao đến khu vực phố Duy Tân tập trung cùng với đoàn của Th.

Ở một hướng khác, nhóm của Lê Hồng Đ2 gồm: Đ2, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Nguyễn Minh Tiến, Bùi Sơn T5, Kiều Ngọc B2, Nguyễn Tiến Đ3 và Nguyễn Hải N1 tập trung tại nhà Đ2 ở 158 phố Trương Đ4 rồi điều khiển 03 chiếc xe mô tô đi theo hướng Tam Trinh - Trần Khát Chân - Đại Cồ Việt - Xã Đàn - Đê La Thành - Cầu Giấy - Trần Thái Tông - Duy Tân rồi tập trung cùng với đoàn của Th ở phố Duy Tân để nhận hung khí, khăn quàng đỏ.

Khi khoảng hơn 100 đối tượng đeo khăn quàng đỏ đang điều khiển mô tô, đồng thời hò hét, giơ hung khí đi ở khu vực phố Duy Tân thì bị lực lượng Cảnh sát 113 Công an quận Cầu Giấy và Công an thành phố Hà Nội truy đuổi, trấn áp. Các đối tượng đã vứt hung khí, khăn quàng đỏ bỏ chạy; đồng thời, một số đối tượng ném hung khí vào xe ô tô của lực lượng cảnh sát gây thiệt hại cho xe ô tô biển kiểm soát 31A-6287 của Đội Cảnh sát 113 Công an quận Cầu Giấy là 825.000 đồng, thiệt hại cho xe ô tô biển kiểm soát 29-A-101.72 của Phòng Cảnh sát trật tự xã hội Công an thành phố Hà Nội là 2.600.000 đồng; đồng thời làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn thành phố

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2017, riêng bị cáo Trần Nguyên H2 và Tăng Xuân D theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm; thể hiện thái độ coi thường pháp luật và kỷ cương phép nước; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nghiêm trọng trên địa bàn các quận Hai Bà Tr1, Hoàng M, Cầu Giấy của Thủ đô; gây mất trật tự trị an, an toàn giao thông đường bộ; gây bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, đòi hỏi phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Do vậy, việc áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của từng bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo; đồng thời, có tác dụng đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[2.2] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo Mai Đức Th cùng bị can Nguyễn Thế L18 (*Tẹt; đang bỏ trốn*) là những người giữ vai trò chính; khởi xướng ra hành vi; tập hợp, lôi kéo các đối tượng khác; chuẩn bị hung khí và các điều kiện cần thiết khác cho việc phạm tội. Tiếp đến là các bị cáo Nguyễn Thành L, Trần Nguyên H2, Lê Hồng Đ2, Bùi Văn Duy và bị can

Nguyễn Tiến Tr8 (*Đang bỏ trốn*) là những đồng phạm đặc lực, tích cực; là những đầu mối lôi kéo, tụ tập các đối tượng khác với những mức độ khác nhau. Các bị cáo còn lại đều tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm tích cực như Tòa án cấp sơ thẩm định là có căn cứ.

[2.3] Về hình phạt của các bị cáo:

Trong vụ án này các bị cáo Mai Đức Th, Trần Nguyên H2, Tăng Xuân D có vai trò chính, nhưng tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thể hiện thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo Th tại phiên tòa sơ thẩm, chưa nhận tội mà bị cáo cho rằng bị cáo chỉ hẹn Q4 “*Rambo*” để nói chuyện; bị cáo có rủ Nguyễn Thế L18, Nguyễn Thành L, Lê Hồng Đ2, Trần Tuấn A5... đi cùng; bị cáo không chuẩn bị hung khí, đồ vật để đánh nhau; không rủ các đối tượng khác; bị cáo không biết ai chuẩn bị hung khí, khăn quàng đỏ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thay đổi thái độ khai báo, thành khẩn nhận tội, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có thân nhân là người có công, được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Bị cáo H2 tại phiên tòa phúc thẩm đã thừa nhận hành vi phạm tội, hiện nay đang bị lao phổi bội nhiễm AFB dương tính, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bác ruột là liệt sỹ Trần Nguyên Hải, bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Tăng Xuân D bị HIV/Lao phổi-Viêm da-Nhiễm trùng cơ hội- Suy kiệt cơ thể, bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Văn Đ5 có thân nhân là liệt sỹ Nguyễn Đức Kính, gia đình bị cáo có công, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân huy chương kháng chiến. Bị cáo Lại Đình Ch tại phiên tòa phúc thẩm đã thừa nhận hành vi phạm tội, trong thời gian tại ngoại bị tai nạn với chấn đoán sốc mất máu nặng/chấn thương bụng kín-theo dõi vỡ gan phải điều trị tại Bệnh viện TW Thái Nguyên, bị cáo có thân nhân là liệt sỹ, hiện nay bị cáo có công việc ổn định tại Công ty CP Vàng bạc đá quý Kim Anh Hà Nội, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đặng Hồng Ph, Nguyễn Văn H23, Trần Tuấn A5, Bùi Văn D1 được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình có công với cách mạng, thể hiện thái độ chấp hành pháp luật ăn năn, hối cải, bị cáo Nguyễn Văn H23 đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho các bị cáo này một phần hình phạt cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn An, Nguyễn Tiến Đ3, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Quang L13, Nguyễn Thành L, Kiều Ngọc B2, Bùi Đức L10, mặc dù không có tình tiết mới nhưng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho các bị cáo này một phần hình phạt.

[2.3.1] Đối với các bị cáo Nghiêm Đức A2, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Nguyễn Đức A4, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1 phạm tội với vai trò giúp sức; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Đức A2 sau khi phạm tội đã ra đầu thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nghiêm Đức A2 hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mất sớm, mẹ bị cáo hiện nay bị mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình bị cáo có công với Nhà nước, bác ruột là liệt sỹ, ông ngoại bị cáo là thương bệnh binh. Bị cáo Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Nguyễn Thanh B3 hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, có thân nhân là người có công, được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Bị cáo Phạm Hoàng Gi2 có bác ruột là liệt sỹ, bị cáo được Công an quận Hoàng M có Văn bản xác nhận có công trong việc cung cấp nguồn tin cho Công an để bắt đối tượng Trần Văn Mạnh có hành vi vi phạm pháp luật đã bị Công an quận Hoàng Mai khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo; bị cáo Phạm Hoàng Gi2 mặc dù đã bị xét xử, tuy nhiên, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 107 về xóa án tích thì bị cáo được coi là không có án tích. Các bị cáo đều có thêm tình tiết mới đó là hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, có thân nhân là người có công, được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo này chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên cần mở lượng khoan hồng, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, điều này phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2.3.2] Các bị cáo Triệu Văn Th3, Nguyễn Tiến H13, Nguyễn Ngọc Q1, đều có nhân thân xấu đã từng bị kết án xử phạt hành chính hoặc áp dụng biện pháp tư pháp; bị cáo Tăng Xuân M3 hiện nay đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án khác về hành vi phạm tội liên quan đến ma túy. Bị cáo Triệu Văn Th3, Phạm Văn L12 bị đều bị truy nã. Bị cáo Lê Hồng Đ2, Nhữ Gia H9 mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo này là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không suất trình được thêm tài liệu mới. Với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo này, thì không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo này.

[3] Đối với bị cáo Bùi Sơn T5 đã rút kháng cáo, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357; Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Sơn T5, Bản án hình sự sơ thẩm số 399/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Bùi Sơn T5 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Đức Th, Trần Nguyên H2, Nguyễn Thành L, Tăng Xuân D, Hoàng Văn Đức, Bùi Văn D1, Nghiêm Đức A2, Nguyễn Văn A6, Đặng Hồng Ph, Lại Đình Ch, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Kiều Ngọc B2, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Bùi Đức L10, Nguyễn Tiến Đ3, Nguyễn Đức A4, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Văn H23, Trần Tuấn A5 và Nguyễn Quang L13.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Văn Th3, Nguyễn Tiến H13, Nguyễn Ngọc Q1, Tăng Xuân M3, Phạm Văn L12, Lê Hồng Đ2, Nhữ Gia H9.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 399/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Mai Đức Th, Trần Nguyên H2, Nguyễn Thành L, Lê Hồng Đ2, Tăng Xuân D, Hoàng Văn Đ5, Triệu Văn Th3, Nhữ Gia H9, Bùi Văn D1, Nghiêm Đức A2, Nguyễn Tiến H13, Nguyễn Ngọc Q1, Nguyễn Văn A6, Đặng Hồng Ph, Tăng Xuân M3, Lại Đình Ch, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Kiều Ngọc B2, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Bùi Đức L10, Nguyễn Tiến Đ3, Phạm Văn L12, Nguyễn Đức A4, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Văn H23, Trần Tuấn A5 và Nguyễn Quang L13 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Mai Đức Th **45** (Bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2018.

2.2) Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Trần Nguyên H2 **39** (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2018.

2.3) Áp dụng các điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Tăng Xuân D **39** (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2019.

2.4) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Thành L **45** (Bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018).

2.5) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Lê Hồng Đ2 **40** (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 21/12/2018).

2.6) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Hoàng Văn Đ5 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.7) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Triệu Văn Th3 **36** (Ba mươi sáu) tháng tù; tổng hợp với hình phạt **09** (Chín) tháng tù của Bản án số 61/2017/HS-ST ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Tr2, tỉnh Nam Định; buộc Triệu Văn Th3 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **45** (Bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/7/2019, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của bản án trước (Từ ngày 25/8/2017 đến ngày 02/10/2017).

2.8) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nhữ Gia H9 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 13/8/2018 đến ngày 10/01/2019).

2.9) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Bùi

Văn D1 **27** (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 25/12/2018).

2.10) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nghiêm Đức A2 **28** (Hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **56** (Năm mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/6/2020).

Giao bị cáo Nghiêm Đức A2 cho Ủy ban nhân dân phường Bạch M, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2.11) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Tiến H13 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 21/12/2018).

2.12) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Ngọc Q1 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/7/2018 đến ngày 25/12/2018).

2.13) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn A6 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 27/7/2018 đến ngày 23/12/2018).

2.14) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt

Đặng Hồng Ph **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 27/7/2018 đến ngày 23/12/2018).

2.15) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Tăng Xuân M3 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 09/8/2018 đến ngày 06/11/2018).

2.16) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Lại Đình Ch **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 29/12/2018 đến ngày 02/01/2019).

2.17) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Trần Đức A3 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **52** (Năm mươi hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/6/2020).

Giao bị cáo Trần Đức A3 cho Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Tr1, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2.18) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Nam S1 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **52** (Năm mươi hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/6/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Nam S1 cho Ủy ban nhân dân phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2.19) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Kiều Ngọc B2 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 17/8/2018 đến ngày 13/01/2019).

2.20) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Phạm Hoàng Gi2 **30** (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (Sáu mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/6/2020).

Giao bị cáo Phạm Hoàng Gi2 cho Ủy ban nhân dân phường Tương M, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2.21) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Thanh B3 **28** (Hai mươi tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **56** (Năm mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/6/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Thanh B3 cho Ủy ban nhân dân phường Lĩnh Nam, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách

nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2.22) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Bùi Đức L10 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 28/01/2019).

2.23) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Tiến Đ3 **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 11/9/2018 đến ngày 28/11/2018).

2.24) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Phạm Văn L12 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.25) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Đức A4 **26** (Hai mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **52** (Năm mươi hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/6/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Đức A4 cho Ủy ban nhân dân phường Trung L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2.26) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Hải N1 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 05/01/2019).

2.27) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn H23 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 08/3/2019).

2.28) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Trần Tuấn A5 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2.29) Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Quang L13 **24** (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Các bị cáo: Mai Đức Th, Trần Nguyên H2, Nguyễn Thành L, Tăng Xuân D, Hoàng Văn Đ5, Bùi Văn D1, Nghiêm Đức A2, Nguyễn Văn An, Đặng Hồng Ph, Lại Đình Ch, Trần Đức A3, Nguyễn Nam S1, Kiều Ngọc B2, Phạm Hoàng Gi2, Nguyễn Thanh B3, Bùi Đức L10, Nguyễn Tiến Đ3, Nguyễn Đức A4, Nguyễn Hải N1, Nguyễn Văn H23, Trần Tuấn Anh và Nguyễn Quang L13, Bùi Sơn T5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3.2. Các bị cáo Triệu Văn Th3, Nguyễn Tiến Hoàng, Nguyễn Ngọc Q1, Tăng Xuân M3, Phạm Văn L12, Lê Hồng Đ2, Nhữ Gia H9, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam số 1-CATP Hà Nội (06 bản);
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các bị cáo Th, H2, D, Th3,
M3 (qua TTG số 1-CATP Hà Nội);
- Các bị cáo khác (theo đ/c);
- UBND phường Bạch M, quận Hai Bà
Tr1, thành phố Hà Nội (để biết);
- UBND phường Bạch Đằng, quận Hai Bà
Tr1, thành phố Hà Nội (để biết);
- UBND phường Yên Phụ, quận Tây Hồ,
thành phố Hà Nội (để biết);
- UBND phường Tương M, quận Hoàng
M, thành phố Hà Nội (để biết);
- UBND phường Lĩnh Nam, quận Hoàng
M, thành phố Hà Nội (để biết);
- UBND phường Trung L, quận
Đống Đ, thành phố Hà Nội (để biết);
- Lưu HS, PHCTP.

Mai Anh Tài